

Số: 5790 /VD-QT
V/v yêu cầu báo giá
cung cấp dịch vụ bảo trì thang máy

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2024

Kính gửi: Các đơn vị cấp dịch vụ tại Việt Nam

Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Cung cấp dịch vụ bảo trì sửa chữa thang máy năm 2025-2028 cho Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Địa chỉ: 40 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

KS. Nguyễn Hoàng Lâm. Phòng Quản trị, số phòng 108, nhà A2; Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, địa chỉ: 40 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

3. Bệnh viện tiếp nhận báo giá đồng thời theo 2 hình thức:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Quản trị, số phòng 108, nhà A2; Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, địa chỉ: 40 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

- Nhận qua email: vietchospitalmuasam@gmail.com (Đơn vị cung cấp báo giá qua email phải ghi rõ Số hiệu văn bản mời chào giá trong nội dung email)

(Lưu ý: Các Đơn vị phải gửi báo giá đồng thời theo 2 hình thức nêu trên)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 07h30 ngày 22 tháng 11 năm 2024 đến trước 16h00 ngày 02 tháng 12 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày phát hành báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

Chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ như sau:

1. Biểu mẫu báo giá: đính kèm tại phụ lục 01

2. Mô tả dịch vụ, yêu cầu công việc: đính kèm tại phụ lục 02.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, QT

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Minh Thành

Phụ lục 01: Biểu mẫu báo giá

(Đính kèm công văn số 5790 /VD-QT ngày 11 tháng 11 năm 2024)

Các đơn vị thực hiện theo biểu mẫu báo giá dưới đây:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1.	Bảo trì 01 thang máy Thyssenkrupp Dongyang số 1, 1600 kg, 06 điểm dừng, tại nhà B1.	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		
2.	Bảo trì 01 thang máy Thyssenkrupp Dongyang số 2, 1600 kg, 06 điểm dừng, tại nhà B1.	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		
3.	Bảo trì 01 thang máy Thyssenkrupp Dongyang số 3, 700 kg, 06 điểm dừng, tại nhà B1.	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		
4.	Bảo trì 01 thang máy Thyssenkrupp Dongyang số 4, 1600 kg, 07 điểm dừng, tại nhà B1.	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		
5.	Bảo trì 01 thang máy Mitsutech 1150 kg, 03 điểm dừng, tại nhà B5.	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		
6.	Bảo trì 01 thang máy Otis 1600 kg, 03 điểm dừng, tại nhà B3.	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		
7.	Bảo trì 01 thang máy Hyundai 1600 kg, 02 điểm dừng, tại nhà C1.	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		
8.	Bảo trì 01 thang máy Otis số 1, 1600 kg, 02 điểm dừng, tại nhà B6.	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		
9.	Bảo trì 01 thang máy Otis số 2, 1600 kg, 02 điểm dừng, tại nhà B6.	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		
10.	Bảo trì 01 Thang máy thủy lực, 1600kg, 02 điểm dừng, tại nhà B7.	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mỗi thầu	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
11.	Bảo trì 01 thang máy LG OTIS 1500 kg, 03 điểm dừng, tại nhà B4.	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		
12.	Bảo trì 01 thang máy LG OTIS 1000 kg, 03 điểm dừng, tại nhà B9.	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		
13.	Bảo trì 01 thang máy Otis số 1, 1600 kg, 11 điểm dừng, tại nhà D.	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		
14.	Bảo trì 01 thang máy Otis số 2, 900 kg, 11 điểm dừng, tại nhà D.	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		
15.	Bảo trì 01 thang máy Otis số 3, 1600 kg, 11 điểm dừng, tại nhà D.	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		
16.	Bảo trì 01 thang máy Otis số 4, 900 kg, 11 điểm dừng, tại nhà D.	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		
17.	Bảo trì 01 thang máy Otis số 5, 1600 kg, 13 điểm dừng, tại nhà D.	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		
18.	Bảo trì 01 thang máy Otis số 6, 900 kg, 13 điểm dừng, tại nhà D.	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		
19.	Bảo trì 01 thang máy Otis số 7, 900 kg, 11 điểm dừng, tại nhà D.	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		
20.	Bảo trì 01 thang máy Otis số 8, 1600 kg, 11 điểm dừng, tại nhà D.	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		
21.	Bảo trì 01 thang máy FUJI 1000 kg, 04 điểm dừng. Thang có phòng máy, tại nhà kỹ thuật hậu cần.	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		
22.	Bảo trì 01 thang máy FUJI 1000 kg, 02 điểm dừng. Thang không có phòng máy Thang có phòng máy, tại nhà kỹ thuật hậu cần.	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		
23.	Bảo trì 01 Thang máy (TM1), 1600kg, 9 điểm dừng, tại	Theo mục yêu cầu kỹ thuật	36	Lần		

14/03/2016

Phụ lục 02: Phạm vi cung cấp, mục tiêu công việc, yêu cầu kỹ thuật

(Đính kèm công văn số 5790 /VD-QT ngày 11 tháng 11 năm 2024)

1. Mục tiêu công việc:

- Phạm vi công việc: Bảo trì hệ thống thang máy định kỳ 01 tháng/lần theo yêu cầu tại QCVN 02:2019/BLĐTBXH về an toàn vận hành thang máy và tiêu chuẩn của nhà sản xuất để đảm bảo thang máy vận hành an toàn, ổn định theo thiết kế được duyệt và xử lý sửa chữa đột xuất khi cần thiết.
- Mục tiêu công việc: Bảo trì, sửa chữa trọn gói các thang máy thuộc phạm vi gói thầu đảm bảo thang máy sau khi bảo trì, sửa chữa đạt trạng thái hoạt động tốt nhất, liên tục 24/24h theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Phát hiện ra các lỗi và đưa ra phương án xử lý kịp thời để tránh xảy ra hỏng hóc gây thiệt hại về con người và tài sản trong quá trình bảo trì. Việc bảo trì phải do cán bộ kỹ thuật có chuyên môn, kinh nghiệm và thực hiện theo đúng quy trình về bảo trì, sửa chữa thang máy, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy.
- Tần suất thực hiện bảo trì: 1 tháng/lần/thang;
- Thực hiện sửa chữa: Trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng;
- Hỗ trợ xử lý sự cố khẩn cấp 24/24 kể cả ngày nghỉ và các ngày Lễ, Tết và có số điện thoại hotline kèm theo.

Danh mục, số lượng bảo trì, sửa chữa thang máy:

STT	Vị trí	Nội dung	Số thang	Số điểm dừng	Vận tốc định mức (m/ph)	Tải trọng (kg)	Năm SD	Khối lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
1.	Nhà B1	Bảo trì 01 thang máy Thyssenkrupp Dongyang số 1, 1600 kg, 06 điểm dừng.	1	06	60	1600	2006	36	Lần	
2.	Nhà B1	Bảo trì 01 thang máy Thyssenkrupp Dongyang số 2, 1600 kg, 06 điểm dừng.	1	06	60	1600	2006	36	Lần	
3.	Nhà B1	Bảo trì 01 thang máy	1	06	60	700	2006	36	Lần	

STT	Vị trí	Nội dung	Số thang	Số điểm dừng	Vận tốc định mức (m/ph)	Tải trọng (kg)	Năm SD	Khối lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
		Thyssenkrupp Dongyang số 3, 700 kg, 06 điểm dừng.								
4.	Nhà B1	Bảo trì 01 thang máy Thyssenkrupp Dongyang số 4, 1600 kg, 07 điểm dừng.	1	07	60	1600	2009	36	Lần	
5.	Nhà B5	Bảo trì 01 thang máy Mitsutech 1150 kg, 03 điểm dừng.	1	03	30	1150	2010	36	Lần	
6.	Nhà B3	Bảo trì 01 thang máy Otis 1600 kg, 03 điểm dừng.	1	03	30	1600	1998	36	Lần	
7.	Nhà C1	Bảo trì 01 thang máy Hyundai 1600 kg, 02 điểm dừng.	1	02	60	1600	2009	36	Lần	
8.	Nhà B6	Bảo trì 01 thang máy Otis số 1, 1600 kg, 02 điểm dừng.	1	02	30	1200	2000	36	Lần	
9.	Nhà B6	Bảo trì 01 thang máy Otis số 2, 1600 kg, 02 điểm dừng.	1	02	30	1200	2000	36	Lần	
10.	Nhà B7	Bảo trì 01 Thang máy thủy lực, 1600kg, 02 điểm dừng.	1	02	15	1600	1995	36	Lần	
11.	Nhà B4	Bảo trì 01 thang máy LG OTIS 1500 kg, 03 điểm dừng.	1	03	30	1500	2000	36	Lần	
12.	Nhà B9	Bảo trì 01 thang máy LG OTIS 1000 kg, 03 điểm dừng.	1	03	30	1000	2006	36	Lần	
13.	Nhà D	Bảo trì 01 thang máy Otis số 1, 1600 kg, 11 điểm dừng.	1	11	60	1600	2015	36	Lần	

STT	Vị trí	Nội dung	Số thang	Số điểm dừng	Vận tốc định mức (m/ph)	Tải trọng (kg)	Năm SD	Khối lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
14.	Nhà D	Bảo trì 01 thang máy Otis số 2, 900 kg, 11 điểm dừng.	1	11	90	900	2015	36	Lần	
15.	Nhà D	Bảo trì 01 thang máy Otis số 3, 1600 kg, 11 điểm dừng.	1	11	60	1600	2015	36	Lần	
16.	Nhà D	Bảo trì 01 thang máy Otis số 4, 900 kg, 11 điểm dừng.	1	11	90	900	2015	36	Lần	
17.	Nhà D	Bảo trì 01 thang máy Otis số 5, 1600 kg, 13 điểm dừng.	1	13	60	1600	2015	36	Lần	
18.	Nhà D	Bảo trì 01 thang máy Otis số 6, 900 kg, 13 điểm dừng.	1	13	90	900	2015	36	Lần	
19.	Nhà D	Bảo trì 01 thang máy Otis số 7, 900 kg, 11 điểm dừng.	1	11	90	900	2015	36	Lần	
20.	Nhà D	Bảo trì 01 thang máy Otis số 8, 1600 kg, 11 điểm dừng.	1	11	60	1600	2015	36	Lần	
21.	Nhà kỹ thuật hậu cần	Bảo trì 01 thang máy FUJI 1000 kg, 04 điểm dừng. Thang có phòng máy.	1	4	60	1000	2020	36	Lần	
22.	Nhà kỹ thuật hậu cần	Bảo trì 01 thang máy FUJI 1000 kg, 02 điểm dừng. Thang không có phòng máy.	1	2	60	1000	2020	36	Lần	
23.	TT khám bệnh	Bảo trì 01 Thang máy (TM1), 1600kg, 9 điểm dừng	1	9	60	1600	2023	36	Lần	
24.	TT khám bệnh	Bảo trì 01 Thang máy (TM2),	1	9	60	1600	2023	36	Lần	

STT	Vị trí	Nội dung	Số thang	Số điểm dừng	Vận tốc định mức (m/ph)	Tải trọng (kg)	Năm SD	Khối lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
		1600kg, 9 điểm dừng								
25.	TT khám bệnh	Bảo trì 01 Thang máy (TM3), 1600kg, 7 điểm dừng	1	7	60	1600	2023	36	Lần	
26.	TT khám bệnh	Bảo trì 01 Thang máy (TM4), 1600kg, 7 điểm dừng	1	7	60	1600	2023	36	Lần	
27.	TT khám bệnh	Bảo trì 01 Thang máy (TM5), 2000kg, 8 điểm dừng.	1	8	60	2000	2023	36	Lần	
28.	TT khám bệnh	Bảo trì 01 Thang máy, 200kg, 8 điểm dừng.	1	8	60	200	2023	36	Lần	Thang chờ rác

2. Yêu cầu kỹ thuật:

a. Nội dung bảo trì:

Theo tiến độ thực hiện gói thầu là 36 tháng (Tương đương 03 năm. 01 năm: 12 lần thực hiện bảo trì/thang). Nội dung công việc thực hiện bảo trì các lần cụ thể như sau:

Các công việc thực hiện trong 01 lần bảo trì/thang:

TT	Mục kiểm tra	Chi tiết
1	Vệ sinh công nghiệp	Trong Carbin, tủ điện chính, máy kéo, phòng máy, các cửa tầng, nóc Carbin, hố thang...
2	Phòng đặt máy	Kiểm tra khoá cửa, sự di chuyển của cửa, nhiệt độ phòng máy, đèn, sự thấm nước, các vật dụng khác đặt trong phòng máy.
3	Các thiết bị trong phòng máy	Kiểm tra máy kéo, động cơ, dầu máy kéo, phanh điện từ, bộ chống vượt tốc (Governor), tủ điều khiển. Kiểm tra tất cả các chi tiết trong tủ điều khiển: Role, khởi động từ, các mạch điều khiển, giác cảm...
4	Sự hoạt động của buồng thang	Kiểm tra sự hoạt động của cửa: Khởi động, hãm, dừng, độ lắc, tiếng ồn, đất, cát ở thanh

TT	Mục kiểm tra	Chi tiết
		dẫn hướng cửa, sự di chuyển, thanh chống thúc, các thiết bị khác làm cửa mờ lại (cảm biến cửa, công tắc...), chuông dừng tầng, quạt làm mát buồng thang. Lau mắt kính của cảm biến cửa.
5	Sự hoạt động của tủ cứu hộ tự động	Kiểm tra hoạt động của hệ thống ác quy, nguyên lý hoạt động của tủ cứu hộ tự động.
6	Bảng điều khiển, hộp hiển thị báo tầng, báo chiều.	Kiểm tra sự tác động của các nút nhấn, các công tắc, các vít định vị, các đèn báo (chiều, tầng, quá tải).
7	Đèn và vách buồng thang	Kiểm tra bóng đèn, bụi bẩn xung quanh, các bulong bắt vách buồng thang.
8	Đèn cấp cứu	Kiểm tra sự hoạt động của đèn cấp cứu, độ sáng của bóng đèn.
9	Điện thoại liên lạc nội bộ	Kiểm tra sự hoạt động, rè, nhiễu.
10	Cửa tầng	Kiểm tra sự hoạt động của các nút gọi tầng, các đèn báo tầng, chiều. Vệ sinh bụi đất, cát bám trên thanh dẫn hướng cửa tầng.
11	Bảng quan sát	Kiểm tra lau chùi các đèn báo.
12	Hố thang	Kiểm tra đèn dọc hố thang, hộp hứng dầu, độ thấm nước, vệ sinh sạch sẽ.
13	Nóc buồng thang	Vệ sinh công nghiệp, đổ thêm dầu bôi trơn ray dẫn hướng carbin và dọi trọng. Vệ sinh toàn bộ.
14	Cửa thoát hiểm	Kiểm tra sự hoạt động, khoá, công tắc an toàn.
15	Hệ thống khóa cửa	Kiểm tra khoá cửa, tiếp điểm an toàn cửa, độ nhún của tiếp điểm khi đóng cửa, các đầu dây.
16	Các hộp giới hạn	Kiểm tra khoảng cách tác động, các bánh xe, hiệu chỉnh các tiếp điểm, các đầu dây.
17	Phanh điện từ	Tháo và vệ sinh, lau dầu, bôi mỡ các trục, cốt phanh. Kiểm tra lực hút phanh, hiệu chỉnh nếu cần thiết, các dây nối, tiếp điểm phanh.
- Các công việc thực hiện thêm trong lần bảo trì thứ 06, 18, 30.		
TT	Mục kiểm tra	Chi tiết

TT	Mục kiểm tra	Chi tiết
1	Tủ điều khiển và các tủ phụ	Tất cả các thiết bị trong tủ phải được kiểm tra một cách kỹ lưỡng và chi tiết.
2	Bộ chống vượt tốc	Kiểm tra các tiếp điểm, búa văng, puly, tra dầu các điểm cần thiết.
3	Cửa buồng thang	Kiểm tra Cửa Carbin: bánh xe treo cửa, bánh xe Cable, các đầu nối Cable, ray cửa. Hộp công tắc an toàn cửa, cam đề, bánh xe. Kiểm tra cửa, puly cửa, dây curoa cửa. Kiểm tra đầu cửa Carbin: Các bu lông định vị, bộ phản hồi tốc độ, giới hạn cửa.
4	Đầu cửa tầng	Kiểm tra bánh xe treo cửa, ray cửa tầng, đầu nối dây, tiếp điểm an toàn cửa. Kiểm tra bánh xe treo cửa, cáp cửa và các đầu nối, bánh xe lệch tâm các đỉnh vít, bulong định vị.
5	Độ căng của cáp tải	Kiểm tra độ căng đều trên tất cả các sợi cáp tải, cáp bù trừ.
6	Cáp các loại (Cáp tải, cáp thắng cơ, cáp cửa...)	Kiểm tra sự rỉ sét, nổ, độ mòn. Vệ sinh cáp nếu cần thiết.
7	Dây cáp động (Travelling cable)	Kiểm tra sự định vị hai đầu, điểm giữa, độ chai cứng vỏ cáp, các đầu nối, độ võng đáy buồng thang.

- Các công việc thực hiện thêm trong lần bảo trì thứ 12, 24 và 36.

TT	Mục kiểm tra	Chi tiết
1	Máy kéo	Kiểm tra sự khớp nối, các bạc đạn, puly, hộp đầu dây, chặn cáp, sự dò rỉ dầu trên máy kéo, tiếng ồn khi hoạt động.
2	Phanh điện từ, má phanh	Kiểm tra tất cả các chốt, trục, lò xo, má phanh, càng phanh, contact phanh.
3	Bộ phản hồi tốc độ	Kiểm tra dây dẫn, đệm đàn hồi, nắp hộp bảo vệ, tiếng ồn khi hoạt động.
4	Kiểm cửa	Kiểm tra khoảng cách của kiểm cửa và bánh xe khóa cửa, khoảng cách giữa kiểm và thanh dẫn hướng cửa tầng, các phần nhô ra khác của cửa tầng.
5	Cửa tầng	Kiểm tra các cao su chặn giới hạn cửa, bao che cửa, khóa cửa, bao che đầu cửa, thanh dẫn hướng cửa tầng.

TT	Mục kiểm tra	Chi tiết
6	Guốc cửa	Kiểm tra các bu lông định vị, độ mòn, căn chỉnh lại.
7	Thanh chống thúc	Kiểm tra sự di chuyển, tiếng động khi chuyển động, các bu lông định vị, tra dầu vào các bạc, vòng bi các khớp truyền động, công tắc, dây dẫn, đầu nối.
8	Cảm biến cửa	Kiểm tra sự tác động, độ nhạy.
9	Các móng ngựa	Kiểm tra sự gá lắp, độ nhạy, khoảng cách với cờ vị trí, các tay cờ.
10	Guốc dẫn hướng Carbin, đối trọng	Kiểm tra tiếng kêu, độ mòn, mặt tiếp xúc với ray, căn chỉnh lại khoảng cách của guốc. Vệ sinh sạch sẽ, thêm dầu bôi trơn.
11	Đối trọng	Kiểm tra khung đối trọng, đầu cable, các bo đối trọng, puly, cáp, vòng bi puly, chặn bo đối trọng.
12	Ray Carbin, đối trọng	Kiểm tra các bu lông kẹp lưng ray, nối ray, các đà chịu lực...
13	Máng điện, hộp nối dây	Kiểm tra hộp nối cửa tầng, máng điện, các bảng điện, các đầu nối dây.
14	Công tắc hành trình	Kiểm tra sự gá lắp, sự tác động, của công tắc hành trình dọc hố thang, các hộp giới hạn.
15	Các thiết bị trên đầu Carbin	Kiểm tra bu lông định vị buồng thang, khung Carbin, các đầu nối cable, đèn cấp cứu, bộ giám sát tải, lò xo cấp tải và cáp thắng cơ.
16	Các thiết bị đáy Carbin	Kiểm tra bu lông định vị khung dưới buồng thang, các cao su giảm chấn.
17	Bộ phanh an toàn	Kiểm tra sự gá lắp, các Puly, độ nhạy, các công tắc an toàn, má phanh, lò xo.
18	Hộp công tắc Cabin	Kiểm tra sự tác động của các công tắc mở cửa, quạt, đèn, dùng khăn cấp và công tắc chuyển chế độ chạy tay.
19	Các hộp dầu bôi trơn	Kiểm tra sự gá lắp, định vị, nứt, vỡ, tìm dầu.
20	Các công tắc chạy tay	Kiểm tra sự tác động của các công tắc chạy bằng tay, các đầu nối dây.
21	Các hộp giới hạn	Kiểm tra sự gá lắp, khoảng tác động, các tiếp điểm, thông số về khoảng cách tác động theo tiêu chuẩn, các bánh xe hộp giới hạn.

TT	Mục kiểm tra	Chi tiết
22	Quạt thông gió	Kiểm tra các bu lông định vị, cao su giảm chấn, tiếng ồn khi hoạt động.
23	Các thiết bị dưới hố	Kiểm tra bảng điện đáy hố, contact an toàn, đèn hố, bộ lò xo, puly căng cáp, xích bù trừ.
24	Sự di chuyển của cáp thắng cơ, dây cáp động	Kiểm tra độ vắng của cáp, dây cáp động khi thang chuyển động. Kiểm tra độ võng của dây cáp động, khoảng cách đáy đối trọng.

b. Nội dung sửa chữa:

Đảm bảo cho thang máy hoạt động liên tục và ổn định, đơn giá đã bao gồm chi phí cho những vật tư, thiết bị thay thế sau:

- Thay thế, sửa chữa các linh kiện, phụ kiện hư hỏng (nếu có) trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng, bao gồm: Động cơ; tủ điều khiển; tủ cứu hộ (gồm bộ sạc, bộ biến đổi điện áp 3 pha/ 1 pha, ắc quy và bộ chuyển nguồn tự động); biến tần; các loại board mạch, cáp tải; Governor; photocell và tất cả các loại linh kiện, phụ kiện thuộc hệ thống thang máy của Bệnh viện. Ngoại trừ việc thay thế các thiết bị ngoại vi như: hệ thống đọc thẻ, hệ thống camera giám sát, màn hình.
- Nhà cung cấp dịch vụ phải luôn dự trữ sẵn các linh kiện, phụ kiện để sẵn sàng thay thế trong vòng 24h kể từ khi kiểm tra và thông nhất phương án xử lý kỹ thuật, cần thay thế linh kiện.
- Nhà cung cấp dịch vụ phải chủ động lập phương án đối với các loại linh kiện, phụ kiện phải thay thế định kỳ mà không cần chờ đến khi hỏng hóc hoặc có lỗi kỹ thuật.
- Đối với mỗi lần bảo trì, biên bản bảo trì cần có nội dung về các loại linh kiện, phụ kiện sẽ được thay thế (trong phạm vi trách nhiệm thay thế của Nhà cung cấp dịch vụ)
- Thiết bị, linh kiện, phụ kiện thay thế phải sử dụng loại phù hợp với thang máy, đảm bảo độ bền, không ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động, an toàn trong quá trình sử dụng của thang máy. Thiết bị, linh kiện, phụ kiện thay thế mới 100% có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, được bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao, đưa vào sử dụng. Thiết bị, linh kiện, phụ kiện sửa chữa được bảo hành tối thiểu 06 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao, đưa vào sử dụng.
- Không giới hạn số lượng đối với Thiết bị, linh kiện, phụ kiện thay thế trong phạm vi trách nhiệm thay thế của Nhà cung cấp dịch vụ.

c. Yêu cầu về trực xử lý sự cố:

- Nhà cung cấp dịch vụ phải có phương án tập huấn cho nhân viên kỹ thuật của Bệnh viện để xử lý khẩn cấp khi dừng thang đột ngột và có người trong cabin.

- Nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo đường dây nóng, bố trí nhân viên kỹ thuật để tiếp nhận thông tin của Bệnh viện 24/24h hàng ngày, 07 ngày trong tuần (Liên tục 24h mỗi ngày và liên tục trong 7 ngày, tính cả ngày nghỉ, ngày lễ, tết) về sự cố và các vấn đề cần sửa chữa, khắc phục giữa các lần bảo trì. Khi có thông báo của Bệnh viện về sự cố kỹ thuật hoặc những hỏng hóc, Nhà cung cấp dịch vụ phải cử nhân viên kỹ thuật có mặt tại hiện trường trong vòng 01 giờ có mặt tại hiện trường để sửa chữa khác phục sự cố. Trường hợp hỏng hóc nặng, không khắc phục được trong thời gian 24h Nhà cung cấp dịch vụ phải có văn bản thông báo về phương án khắc phục cho Bệnh viện.
 - Nhà cung cấp dịch vụ sẵn sàng bố trí nhân viên kỹ thuật trực để vận hành, phối hợp với Bệnh viện khi Bệnh viện có yêu cầu để lắp đặt, sửa chữa các thiết bị khác liên quan đến hệ thống thang máy hệ thống camera, hệ thống kiểm soát ra vào, hoặc khi Bệnh viện có yêu cầu trực vận hành thang máy khi Bệnh viện có sự kiện. (Chi phí cử nhân viên kỹ thuật của Đơn vị cung cấp dịch vụ phối hợp thực hiện đã bao gồm trong giá hợp đồng)
- d. Yêu cầu về chất lượng dịch vụ sau khi thực hiện**
- Theo định kỳ, Bệnh viện thuê đơn vị có chức năng kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy. Đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm cử nhân viên kỹ thuật phối hợp thực hiện công tác kiểm định an toàn thang máy với Bệnh viện và đơn vị có chức năng kiểm định (Chi phí cử nhân viên kỹ thuật của Đơn vị cung cấp dịch vụ phối hợp thực hiện đã bao gồm trong giá hợp đồng). Trong quá trình kiểm định nếu có cơ cấu nào của thang máy không đạt yêu cầu về an toàn thì các bên có liên quan sẽ bàn phương án thống nhất sửa chữa, thay thế. Đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm thay thế, sửa chữa linh kiện, phụ kiện theo đề xuất để thang máy hoạt động đảm bảo yêu cầu về kiểm định an toàn.
 - Việc bảo trì, sửa chữa, thay thế mới các thiết bị không làm sai lệch số thiết kế ban đầu của thang máy.
 - Yêu cầu sau khi bảo trì, sửa chữa phải đảm bảo thiết bị, hệ thống vận hành an toàn, ổn định và đạt thông số như thiết kế ban đầu và luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhất.
 - Đáp ứng tiến độ thực hiện, không làm ảnh hưởng đến người sử dụng, ảnh hưởng tới giao thông đi lại.
 - Điều kiện vệ sinh môi trường sạch sẽ, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động tốt theo nội dung công việc và vị trí thi công.

